

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1989; thường trú: Thôn 5, xã N, huyện L, tỉnh Đ. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1986; thường trú: Thôn P, xã Q, huyện X, tỉnh T; tạm trú: Số 30/24, khu phố N 1, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị L trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị L và anh T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận

kết hôn số 94, quyền số 04/07 ngày 23/11/2007. Việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Thôn 5, xã N, huyện L, tỉnh Đ, đến năm 2010 vợ chồng xuống Dĩ An thuê nhà trọ chung sống và làm công nhân. Năm 2018 chị L mở tiệm thẩm mỹ kinh doanh làm đẹp còn anh T vẫn làm công nhân. Đến tháng 5/2021, do tình hình dịch bệnh phức tạp, tiệm thẩm mỹ phải đóng cửa nên chị L đã đưa các con về Di Linh sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con. Mọi việc trong nhà và chăm con đều do một tay chị lo. Bản thân anh T làm công nhân công việc không ổn định, đi làm được vài tháng thì lại nghỉ nên không có thu nhập để phụ chị trả tiền thuê nhà và trang trải cuộc sống, tiền học cho các con. Cuộc sống khó khăn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên thường xuyên cãi vã nhau, thi thoảng anh T có đánh chị. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên chị từng yêu cầu ly hôn thì anh T chửi bới và chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị phải đưa cho anh 150.000.000 đồng. Thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mẹ chị L cũng ở gần với vợ chồng nên khi thấy anh T yêu cầu đưa tiền thì bà trách móc anh T đã không phụ giúp được vợ con mà còn đòi tiền nên anh T chửi bới đe dọa chém dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân, anh T không liên lạc hỏi thăm hay gửi tiền chu cấp cho các con. Đến khi chị nộp đơn ly hôn thì anh T gọi điện rồi đi tìm chị đe dọa chém giết và nhắn tin yêu cầu chị phải đưa 150.000.000 đồng thì mới đồng ý ly hôn. Nay chị L xác định đã hết tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã U, sinh ngày 04/4/2017 và Trần Anh T, sinh ngày 26/4/2008. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh Trần Xuân T trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian hai vợ chồng tìm hiểu, chung sống cũng như đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc thi thoảng có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Về kinh tế hai vợ chồng mặc dù khó khăn nhưng cũng đủ nuôi con cái và lo cho cuộc sống. Trước khi vợ chồng ly thân thì mẹ chị L có ở chung với hai vợ chồng thì giữa anh T và mẹ vợ phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể, mẹ vợ trách móc anh T không cho bà ở chung nên anh T có to tiếng với bà từ đó hai mẹ con không có tiếng nói chung. Việc chị L nộp đơn ly hôn một phần cũng do mâu thuẫn giữa anh T và mẹ vợ. Từ tháng 5/2021, chị L đưa hai con về quê ở Di Linh sống với mẹ chị L. Khoảng hai tháng đầu anh T chỉ liên lạc qua điện thoại hỏi thăm con cái do tình hình dịch bệnh. Tuy nhiên anh T gọi điện thì chị L không nghe máy, nhắn tin không trả lời. Có lần anh lên nhà thăm có gặp chị L thì

chị L chủ động xa cách, liên lạc không bắt máy. Anh T xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống và anh cũng không có phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh xác định bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã U, sinh ngày 04/4/2017 và Trần Anh T, sinh ngày 26/4/2008. Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, các đương sự cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay và anh T không có phương án nào hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung giao cháu U và cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu chị anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Chị Tạ Thị L khởi kiện Anh Trần Xuân T yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Anh Trần Xuân T có nơi cư trú tại khu phố N 1, phường A, thành phố A, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị L và Anh Trần Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyền số 04/07 ngày 23/11/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh T và chị L đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ít quan tâm chăm sóc vợ con và anh T xảy ra mâu thuẫn với mẹ chị L. Từ tháng 05/2021, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Bản thân anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị L nhưng anh T không đưa

ra được phương án hàn gắn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã diễn ra trong thời gian dài, cả hai không có giải pháp nào để khắc phục và đều thừa nhận đã ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã U, sinh ngày 04/4/2017 và Trần Anh T, sinh ngày 26/4/2008. Khi ly hôn anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy anh T đồng ý giao con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị L đồng ý và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần giao cháu Uyên và cháu Tú cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 229, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị L đối với Anh Trần Xuân T về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị L được ly hôn với Anh Trần Xuân T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 04/07 ngày 23/11/2007 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Đ cấp).

- Về con chung: Anh Trần Xuân T có trách nhiệm giao con chung tên Trần Ngọc Nhã U, sinh ngày 04/4/2017 và Trần Anh T, sinh ngày 26/4/2008 cho chị Tạ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, Anh Trần Xuân T và chị Tạ Thị L có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003416 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Đ;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam